TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2022
V/v tranh chấp: *"ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và ông Phạm Ngọc Trưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L- sinh năm: 1987;

Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Duy T– sinh năm: 1987;

Trú tại: Tổ A, Ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021, các tài liệu có tại hồ hơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lưu Duy T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2009 tại UBND xã A (nay là xã A1), huyện T, tỉnh Phú Yên.

Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh T nghe lời bạn bè ăn chơi rồi cầm cố xe, chị L nói thì anh T chửi và có tát chị L 1 cái. Từ đó, vợ chồng xích mích, mâu

thuẫn vợ chồng ngày thêm trầm trọng, anh T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến nay. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng anh T vẫn không chịu quay về chung sống. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Lưu Gia L, sinh ngày 29/10/2009, hiện do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lưu Duy T đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/3/2022, anh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A1). Thời gian sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống. Nay anh T thống nhất ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lưu Gia L, sinh ngày 29/10/2009, hiện do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh Tthống nhất giao cháu L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 18/4/2022: chị L vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại các biên bản hòa giải và yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện anh Lưu Duy T trú tại: Tổ A, Ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước về việc "Ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Lưu Duy T tự thoả

thuận bằng văn bản yêu cầu Toà án nơi cư trú của nguyên đơn là Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên giải quyết vụ án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Lưu Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị L, anh Tđều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Duy T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A1), huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/4/2009 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị L và anh T đã không còn sống chung từ năm 2012 đến nay, chị L xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với anh T, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị L kiên quyết ly hôn với anh T. Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt lập ngày 23/3/2022 anh T cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thống nhất ly hôn với chị L.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị L và anh T là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị L và anh T thống nhất có 01 con chung là Lưu Gia L, sinh ngày 29/10/2009; hiện cháu L do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt anh T thống nhất giao cháu L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 12/4/2022 cháu L có nguyện vọng xin được ở với mẹ (Nguyễn Thị L). Để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho cháu L, HĐXX chấp nhận giao cháu L cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lưu Duy T.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Gia L, sinh ngày 29/10/2009 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lưu Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003801 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.